

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 307/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 09 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Chủ trương chuyển loại rừng sau khi rà soát, điều chỉnh quy hoạch
3 loại rừng trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHOÁ VII, KỲ HỌP THỨ 20**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Xét Tờ trình số 151/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xin chủ trương chuyển loại rừng (phòng hộ, đặc dụng, sản xuất) sau khi rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Phú Yên của UBND huyện Tây Hòa và UBND thành phố Tuy Hòa; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất chủ trương chuyển loại rừng sau khi rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh Phú Yên, với nội dung như sau:

Tổng số phương án, công trình thuộc trường hợp Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương chuyển loại rừng: 02 phương án, với tổng diện tích đất, rừng chuyển đổi: 3.887,06ha, cụ thể như sau:

1. Về phương án chuyển loại rừng:

a) Phương án chuyển loại rừng của UBND thành phố Tuy Hòa:

Tổng diện tích đất rừng chuyển đổi: 13,12 ha, trong đó:

- Điều chỉnh giảm đất, rừng sản xuất (do chuyển sang phòng hộ): 6,56 ha.

- Điều chỉnh tăng đất, rừng phòng hộ (do chuyển từ sản xuất sang phòng hộ): 6,56 ha.

(Chi tiết theo Phụ biểu 01a, 01b đính kèm).

b) Phương án chuyển loại rừng của UBND huyện Tây Hòa:

Tổng diện tích đất, rừng chuyển đổi: 3.873,94 ha, trong đó:

- Điều chỉnh giảm đất, rừng sản xuất (do chuyển sang phòng hộ): 1.936,97 ha.

- Điều chỉnh tăng đất, rừng phòng hộ (do chuyển từ sản xuất sang phòng hộ):

1.936,97 ha.

(Chi tiết theo Phụ biểu 02a, 02b đính kèm).

2. Đối với diện tích đất, rừng thuộc quy hoạch 3 loại rừng (thuộc quy hoạch Lâm nghiệp) chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác hoặc loại đất khác bổ sung vào quy hoạch 3 loại rừng (thuộc quy hoạch Lâm nghiệp) thì thực hiện theo Luật Đất đai, Luật Lâm nghiệp; kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất của địa phương hoặc từng dự án được cấp có thẩm quyền cho phép.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên khóa VII, kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 12 năm 2020./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

DIỆN TÍCH ĐẤT, RỪNG SẢN XUẤT CHUYÊN ĐỔI**Đơn vị: UBND thành phố Tuy Hòa***(Kèm theo Nghị quyết số 307/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh)**Đơn vị tính: Ha*

STT	Xã/Tiểu khu	Diện tích chuyển loại rừng		
		Tổng diện tích	Diện tích đất, rừng Sản xuất giảm; nguyên nhân điều chỉnh sang Phòng hộ	Diện tích đất, rừng Sản xuất tăng nguyên nhân điều chỉnh từ Phòng hộ sang
Tổng cộng		6,56	6,56	
1	Phường 1	5,11	5,11	
	V5.14	5,11	5,11	
2	Xã Hòa Kiến	1,45	1,45	
	260			
	261			
	V5.3	1,45	1,45	

Phụ biểu 01b

DIỆN TÍCH ĐẤT, RỪNG RỪNG PHÒNG HỘ CHUYỂN ĐỔI
Đơn vị: UBND thành phố Tuy Hòa

(Kèm theo Nghị quyết số 307/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Ha

STT	Xã/Tiểu khu	Diện tích chuyển loại rừng		
		Tổng diện tích	Diện tích đất, rừng Phòng hộ giảm; nguyên nhân điều chỉnh sang Sản xuất	Diện tích đất, rừng Phòng hộ tăng nguyên nhân điều chỉnh từ Sản xuất sang
	Tổng cộng	6,56		6,56
1	Phường 1	5,11		5,11
	V5.14	5,11		5,11
2	Xã Hòa Kiến	1,45		1,45
	260			
	261			
	V5.3	1,45		1,45

DIỆN TÍCH ĐẤT, RỪNG SẢN XUẤT CHUYỂN ĐỔI**Đơn vị: UBND huyện Tây Hòa***(Kèm theo Nghị quyết số 307/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh)**Đơn vị tính: Ha*

STT	Xã/Tiểu khu	Diện tích chuyển loại rừng		
		Tổng diện tích	Diện tích đất, rừng Sản xuất giảm; nguyên nhân điều chỉnh sang Phòng hộ	Diện tích đất, rừng Sản xuất tăng nguyên nhân điều chỉnh từ Phòng hộ sang
Tổng cộng		1.936,97	1.936,97	
1	Hòa Thịnh	1.936,97	1.936,97	
	375	811,82	811,82	
	376	739,96	739,96	
	377	385,19	385,19	
	378			
	379			
	381			
	V9.11			

Phụ biểu 02b

DIỆN TÍCH ĐẤT, RỪNG RỪNG PHÒNG HỘ CHUYỂN ĐỔI**Đơn vị: UBND huyện Tây Hòa***(Kèm theo Nghị quyết số 307/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh)**Đơn vị tính: Ha*

STT	Xã/Tiểu khu	Diện tích chuyển loại rừng		
		Tổng diện tích	Diện tích đất, rừng Phòng hộ giảm; nguyên nhân điều chỉnh sang Sản xuất	Diện tích đất, rừng Phòng hộ tăng nguyên nhân điều chỉnh từ Sản xuất sang
Tổng cộng		1.936,97		1.936,97
1	Hòa Thịnh	1.936,97		1.936,97
	375	811,82		811,82
	376	739,96		739,96
	377	385,19		385,19
	378			
	379			
	381			
	V9.11			